

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối quý I</u>	<u>Số đầu năm</u>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.999.773.480.361	2.257.872.353.385
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	229.445.112.312	55.948.393.128
1. Tiền	111		221.825.872.312	55.798.393.128
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.619.240.000	150.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.704.157.400	3.975.170.700
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10.719.359.414	10.466.929.414
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(6.015.202.014)	(6.491.758.714)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		314.022.396.603	439.461.939.385
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	165.306.857.988	285.557.558.762
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	120.309.201.751	125.552.021.992
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	29.135.761.881	29.081.783.648
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(729.425.017)	(729.425.017)
IV. Hàng tồn kho	140		1.424.319.255.534	1.657.503.212.762
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1.424.319.255.534	1.657.503.212.762
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.282.558.512	100.983.637.410
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.524.143.193	8.771.849.839
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.159.291.017	91.267.326.400
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		7.948.153.570	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.650.970.732	944.461.171

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bên Chương Dương, P. Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý I	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.748.444.550.620	9.555.112.841.882
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.491.469.792.953	9.293.782.355.797
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	7.740.463.758.168	7.846.372.418.718
<i>Nguyên giá</i>	222		9.781.678.543.079	9.780.971.239.853
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.041.214.784.911)	(1.934.598.821.135)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	116.165.221.612	116.674.154.086
<i>Nguyên giá</i>	228		124.440.483.498	124.440.483.498
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8.275.261.886)	(7.766.329.412)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	1.634.840.813.173	1.330.735.782.993
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		46.760.000.000	48.370.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	56.000.000.000	56.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(9.240.000.000)	(7.630.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		210.214.757.667	212.960.486.085
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	205.716.376.765	210.040.259.091
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		4.498.380.902	2.920.226.994
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.748.218.030.981	11.812.985.195.267

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bên Chương Dương, P. Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý I	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		10.294.950.029.749	9.985.558.373.271
I. Nợ ngắn hạn	310		3.113.109.927.843	3.189.304.299.025
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	1.662.998.755.270	1.838.794.821.582
2. Phải trả người bán	312	V.13	983.556.264.429	1.138.137.046.398
3. Người mua trả tiền trước	313		248.612.194.208	4.338.121.643
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	11.480.863.842	20.628.957.925
5. Phải trả người lao động	315		24.740.402.567	27.971.361.706
6. Chi phí phải trả	316		97.978.989.320	112.076.944.528
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	83.742.458.207	47.357.045.243
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.181.840.101.906	6.796.254.074.246
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	7.181.840.101.906	6.796.254.074.246
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.453.268.001.232	1.827.426.821.996
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	1.453.268.001.232	1.827.426.821.996
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.980.000.000.000	1.980.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		70.790.410.045	70.790.410.045
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.517.214.120	5.517.214.120
4. Cổ phiếu quỹ	414		(902.752.100)	(902.752.100)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(790.225.664.945)	(472.130.953.346)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		97.063.215.208	97.063.215.208
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		31.401.970.440	31.401.970.440
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		59.623.608.464	115.687.717.629
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.748.218.030.981	11.812.985.195.267

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý I	
		Số cuối quý I	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	42.887.708
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	190.991.779
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		12.441,13	1.757,0
Euro (EUR)		1.289,66	1.279,8
Dollar HongKong (HKD)		-	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP.HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2011



Trương Thị Thu Hương
 Người lập biểu



Lê Thị Phương Dung
 PT phòng tài chính kế toán



Trần Việt Thắng
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý I năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.284.729.982.584	664.913.541.756	1.284.729.982.584	664.913.541.756
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	79.548.202.770	21.149.438.400	79.548.202.770	21.149.438.400
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.205.181.779.814	643.764.103.356	1.205.181.779.814	643.764.103.356
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	914.824.360.858	563.709.766.644	914.824.360.858	563.709.766.644
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		290.357.418.956	80.054.336.712	290.357.418.956	80.054.336.712
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.605.666.559	6.314.549.458	3.605.666.559	6.314.549.458
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	240.433.013.449	22.515.853.777	240.433.013.449	22.515.853.777
Trong đó: chi phí lãi vay	23		202.053.646.983	16.123.948.221	202.053.646.983	16.123.948.221
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	79.673.473.081	21.194.572.597	79.673.473.081	21.194.572.597
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	33.673.613.469	18.130.799.499	33.673.613.469	18.130.799.499
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(59.817.014.484)	24.527.660.297	(59.817.014.484)	24.527.660.297
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.213.175.859	32.829.604	4.213.175.859	32.829.604
12. Chi phí khác	32		460.270.540	799.001.229	460.270.540	799.001.229
13. Lợi nhuận khác	40		3.752.905.319	(766.171.625)	3.752.905.319	(766.171.625)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(56.064.109.165)	23.761.488.672	(56.064.109.165)	23.761.488.672
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	-	3.882.711.662	-	3.882.711.662
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(56.064.109.165)</u>	<u>19.878.777.010</u>	<u>(56.064.109.165)</u>	<u>19.878.777.010</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

TP.HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2011



Trương Thị Thu Hương
Người lập biểu



Lê Thị Phương Dung
PT phòng tài chính kế toán




Trần Việt Thắng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Quý I/2011	Quý I/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(56,064,109,165)	23,761,488,672
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		107,124,896,250	22,461,244,881
- Các khoản dự phòng	03		1,133,443,300	(305,504,400)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1,616,978,894)	(1,485,619,250)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,988,687,665)	(6,314,549,458)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	202,053,646,983	16,123,948,221
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		250,642,210,809	54,241,008,666
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		196,314,761,126	(15,722,772,584)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		233,183,957,228	(146,065,298,630)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		138,300,332,712	(66,933,256,871)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5,571,588,972	1,500,000,000
- Tiền lãi vay đã trả	13		(225,494,336,193)	(21,511,702,336)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(13,631,339,478)	(4,830,118,277)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			1,086,947,654
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(57,376,252)	-
- Chênh lệch tỉ giá trong giai đoạn đầu tư	17		(318,094,711,599)	102,575,233,767
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		266,735,087,324	(95,659,958,611)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(304,812,333,406)	(317,848,941,223)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			1,997,411,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(252,430,000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,988,687,665	70,184,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(303,076,075,741)	(315,781,346,223)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1,325,584,726,932	803,596,359,719
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,115,794,765,584)	(440,444,774,019)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9,630,000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		209,780,331,348	363,151,585,700
Lưu chuyển tiền thuần trong quý	50		173,439,342,932	(48,289,719,134)
Tiền và tương đương tiền đầu quý	60	V.1	55,948,393,128	158,213,544,035
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		57,376,252	132,714,897

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Quý I/2011	Quý I/2010
Tiền và tương đương tiền cuối quý	70	V.1	<u>229,445,112,312</u>	<u>46,532,225,725</u>

TP.HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2011



Trương Thị Thu Hương
Người lập biểu



Lê Thị Phương Dung
PT phòng tài chính kế toán



Trần Việt Thắng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán xi măng, các sản phẩm từ xi măng, thạch cao, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư ngành xây dựng; Xây dựng dân dụng; Kinh doanh bất động sản (cao ốc văn phòng cho thuê). Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Sản phẩm dở dang được tính cho nguyên vật liệu chính bao gồm clinker, thạch cao, đá vôi và đá mu rùa theo định mức cấu thành trong thành phẩm của từng dây chuyền sản xuất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Giá trị tài sản được chuyển giao từ Doanh nghiệp Nhà nước được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 27 tháng 9 năm 2006 của Công ty Kiểm toán Việt Nam và kết quả đánh giá lại tài sản của Công ty được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 1401/QĐ-BXD ngày 10 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về xác định giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa, Quyết định số 960/QĐ-BXD ngày 03 tháng 7 năm 2007 về giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao 18 tháng 01 năm 2007 từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc và thiết bị	4 – 25

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 17
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Giá trị chuyển nhượng và đánh giá lại của 20 ha đất tại Phước Cơ, TP. Vũng Tàu và đất tại 360 Bến Chương Dương, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.
- Các chi phí bồi thường và hỗ trợ về đất đai, nhà cửa, cây trồng cho các hộ dân cư ngụ tại mỏ đá Vĩnh Tân – Đồng Nai. Chi phí này được phân bổ trong 10 năm và đã phân bổ hết.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao 2 - 4 năm.

Chi phí khác

Bản quyền, bằng sáng chế là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền, bằng sáng chế vào sử dụng. Bản quyền, bằng sáng chế được khấu hao trong 3 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Giá trị thương hiệu

Giá trị thương hiệu của Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 (trước sáp nhập) được xác định bởi Công ty kiểm toán Ernst & Young theo Báo cáo định giá ngày 25 tháng 6 năm 2006 và được định giá lại theo Quyết định số 1401/QĐ-BXD ngày 10 tháng 10 năm 2006 của Bộ Xây dựng về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu được phân bổ trong 30 năm.

Giá trị thương hiệu của Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2 (trước sáp nhập) được xác định bởi Công ty TNHH tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC) và được thông qua Quyết định số

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

865/QĐ-BXD ngày 11 tháng 6 năm 2007 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty xi măng Hà Tiên 2 bao gồm cả giá trị lợi thế của doanh nghiệp. Giá trị thương hiệu này được phân bổ trong thời gian 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí tư vấn sáp nhập

Chi phí tư vấn phát sinh trong quá trình sáp nhập Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2 vào Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 được phân bổ trong 3 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ của Dự án Nhà máy xi măng Bình Phước trong quá trình thực hiện dự án được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán cho đến khi hoàn thành đầu tư xây dựng dự án và được phân bổ vào thu nhập hoặc chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian tối đa 5 năm kể từ khi dự án hoàn thành đi vào sản xuất theo Công văn chấp thuận số 9636/BTC-TCDN ngày 07 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/03/2011 : 20.703 VND/USD
: 29.821 VND/EUR

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	499.169.107	256.379.452
Tiền gửi ngân hàng	221.326.703.205	55.542.013.676
Tiền đang chuyển, các khoản tương đương tiền	7.619.240.000	150.000.000
Cộng	<u>229.445.112.312</u>	<u>55.948.393.128</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn:				
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	101.738	7.632.180.000	76.495	7.379.750.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	10.000	831.660.000	10.000	831.660.000
- Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	11.200	1.066.128.000	11.200	1.066.128.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	4.030	249.030.880	4.030	249.030.880
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	24.831	865.867.534	24.831	865.867.534
- Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An	4.160	69.993.000	4.160	69.993.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà 909	1.050	4.500.000	1.050	4.500.000
Cộng		<u>10.719.359.414</u>		<u>10.466.929.414</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương: tăng do mua 25.243 cổ phiếu theo giá phát hành 10.000 đồng

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Số đầu năm		(6.491.758.714)
Hoàn nhập trong kỳ		476.556.700
Cộng		(6.015.202.014)

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các khách hàng mua xi măng	110.446.304.123	239.177.543.963
Các khách hàng mua gạch, cát, vữa	3.076.639.885	2.125.997.378
Các khách hàng khác	51.783.913.980	44.254.017.421
Cộng	165.306.857.988	285.557.558.762

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
ABB Switzerland Ltd	10.744.048.733	9.756.164.383
LD Trí Việt Thành & Licogi 16	10.700.350.704	9.573.848.831
Liên doanh TVT & Công ty Xây dựng & sản xuất vật liệu xây dựng	43.785.362.992	44.274.564.758
Các nhà cung cấp khác	55.079.439.322	61.947.444.020
Cộng	120.309.201.751	125.552.021.992

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Thuế GTGT nhập khẩu chưa kê khai khấu trừ	5.181.475.804	8.248.164.355
Các khoản phải thu khác	23.954.286.077	20.833.619.293
Cộng	29.135.761.881	29.081.783.648

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hàng mua đang đi trên đường	39.496.996.238	81.335.419.282
Nguyên liệu, vật liệu	1.169.875.707.407	1.396.769.886.833
Công cụ, dụng cụ	3.043.301.825	1.129.367.888
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	52.000.519.865	115.491.153.533
Thành phẩm	159.902.730.199	62.777.385.226
Cộng	1.424.319.255.534	1.657.503.212.762

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.258.845.677.768	8.319.498.196.720	169.984.819.786	31.870.951.182	771.594.397	9.780.971.239.853
Tăng trong kỳ	1.801.860.477.128	266.317.500		423.923.000		1.802.550.717.628
Mua sắm mới		266.317.500		423.923.000		690.240.500
Đầu tư XD CB hoàn thành	17.062.726					17.062.726
Phân Loại lại	1.801.843.414.402					1.801.843.414.402
Giảm trong kỳ		1.801.843.414.402				1.801.843.414.402
Phân Loại lại		1.801.843.414.402				1.801.843.414.402
Số cuối kỳ	3.060.706.154.896	6.517.921.099.818	169.984.819.786	32.294.874.182	771.594.397	9.781.678.543.079
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	502.796.079.140	1.307.059.206.347	103.658.662.086	20.707.177.165	377.696.397	1.934.598.821.135
Tăng trong kỳ	29.638.935.368	93.098.272.906	2.630.957.127	694.116.843	12.309.312	126.074.591.556
Khấu hao trong kỳ	10.180.307.588	93.098.272.906	2.630.957.127	694.116.843	12.309.312	106.615.963.776
Phân Loại lại	19.458.627.780					19.458.627.780
Giảm trong kỳ		19.458.627.780				19.458.627.780
Phân Loại lại		19.458.627.780				19.458.627.780
Số cuối kỳ	532.435.014.508	1.380.698.851.473	106.289.619.213	21.401.294.008	390.005.709	2.041.214.784.911
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	756.049.598.628	7.012.438.990.373	66.326.157.700	11.163.774.017	393.898.000	7.846.372.418.718
Số cuối năm	2.528.271.140.388	5.137.222.248.345	63.695.200.573	10.893.580.174	381.588.688	7.740.463.758.168

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	116.847.509.370	3.572.888.740	4.020.085.388	124.440.483.498
Tăng trong kỳ				
Giảm trong kỳ				
Số cuối kỳ	116.847.509.370	3.572.888.740	4.020.085.388	124.440.483.498
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	2.759.121.360	3.252.161.591	1.755.046.461	7.766.329.412
Tăng trong kỳ	363.604.800	33.696.873	111.630.801	508.932.474
Khấu hao trong kỳ	363.604.800	33.696.873	111.630.801	508.932.474

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Cộng
Số cuối kỳ	<u>3.122.726.160</u>	<u>3.285.858.464</u>	<u>1.866.677.262</u>	<u>8.275.261.886</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	<u>114.088.388.010</u>	<u>320.727.149</u>	<u>2.265.038.927</u>	<u>116.674.154.086</u>
Số cuối năm	<u>113.724.783.210</u>	<u>287.030.276</u>	<u>2.153.408.126</u>	<u>116.165.221.612</u>

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí xây dựng cơ bản tự làm		1.822.350.616
XDCB dở dang	1.632.916.137.254	1.317.636.646.741
<i>Dự án Bình Phước</i>	85.986.931.619	65.820.520.324
<i>Mỏ đá Vĩnh Tân</i>	23.404.342.207	22.081.170.466
<i>Dự án Hà Tiên 2.2</i>	1.500.768.738.908	1.228.192.526.880
<i>Các công trình khác</i>	22.756.124.520	1.542.429.071
Sửa chữa lớn tự làm	<u>1.924.675.919</u>	<u>11.276.785.636</u>
Cộng	<u>1.634.840.813.173</u>	<u>1.330.735.782.993</u>

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu:				
- Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng	700.000	14.000.000.000	700.000	14.000.000.000
- Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	2.100.000	42.000.000.000	2.100.000	42.000.000.000
Cộng		<u>56.000.000.000</u>		<u>56.000.000.000</u>

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn như sau:

	Số lượng	Mệnh giá	Tổng giá trị	Giá trị
			theo mệnh giá	đầu tư
Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng	700.000	10.000	7.000.000.000	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	2.100.000	10.000	21.000.000.000	42.000.000.000
Cộng			<u>28.000.000.000</u>	<u>56.000.000.000</u>

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Số dư đầu năm	(7.630.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	
Trích lập trong kỳ	<u>(1.610.000.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>(9.240.000.000)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Chi phí trả trước dài hạn	
Số đầu năm	210.040.259.091
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong 3 tháng đầu năm	(4.323.882.326)
Số cuối quý I	205.716.376.765

14. Tài sản dài hạn khác
Chủ yếu là khoản ký quỹ dài hạn.

15. Vay và nợ ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	796.380.110.337	505.582.299.098
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	472.023.280.913	785.328.958.484
Vay dài hạn đến hạn trả	394.595.364.020	547.883.564.000
Cộng	1.662.998.755.270	1.838.794.821.582

Các khoản vay trên để bổ sung vốn lưu động và không phải thế chấp.

16. Phải trả người bán		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty ABB – Switzerland	11.264.356.708	30.377.330.518
Công ty Loesche	70.076.653.734	74.755.498.289
Cty Xi Măng Tam Điệp	41.937.505.078	75.022.242.647
Các nhà cung cấp khác	860.277.748.909	957.981.974.944
Cộng	983.556.264.429	1.138.137.046.398

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối quý I</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	12.006.346.833	38.133.355.934	40.117.891.204	10.021.811.563
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		5.292.501.744	5.292.501.744	-
Thuế TTĐB				-
Thuế xuất, nhập khẩu	73.611.744	956.806.118	1.030.417.862	-
Thuế TNDN	5.683.185.908		5.683.185.908	-
Thuế tài nguyên	1.587.993.701	3.489.218.205	3.595.928.809	1.481.283.097
Tiền thuê đất, thuế đất		1.689.128.983	1.689.128.983	-
Thuế môn bài và thuế khác	25.157.155	13.000.000	38.157.155	-
Thuế TCNCN	750.711.044	2.659.445.036	3.708.967.403	(298.811.323)
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	501.951.540	1.222.221.220	1.447.592.255	276.580.505
Cộng	20.628.957.925	53.455.677.240	62.603.771.323	11.480.863.842

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá, đất tại mỏ đá Vĩnh Tân và Kiên Lương với mức thuế suất là 7% dựa trên giá tính thuế và sản lượng khai thác.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho nhà máy, văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh, Lâm Đồng và mỏ đá tại Vĩnh Tân, tỉnh Đồng Nai.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả

Chủ yếu là trích trước chi phí lãi vay

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải trả Vận tải Hà Tiên	21.000.000.000	
Phải trả tổng công ty	43.997.353.790	31.580.748.625
Các khoản phải trả khác	18.745.104.417	15.776.296.618
Cộng	83.742.458.207	47.357.045.243

20. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II ^(a)	467.857.359.338	509.818.262.727
Vay hợp vốn của 8 ngân hàng thương mại Nhà nước do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II làm đầu mối ^(b)	1.722.600.000.000	1.663.200.000.000
Vay Ngân hàng Société Générale ^(c)	2.459.406.224.991	2.312.697.151.767
Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang ^(d)	779.357.058.016	700.318.070.958
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang ^(e)	220.787.293.757	198.800.248.221
Vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang ^(f)	267.055.646.506	249.318.026.646
Vay Ngân hàng Credit ^(g)	1.249.776.519.298	1.162.102.313.927
Tổ chức tín dụng khác	15.000.000.000	
Cộng	7.181.840.101.906	6.796.254.074.246

(a) Khoản vay thế chấp bằng tài sản của dự án Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II TP. Hồ Chí Minh để tài trợ dự án trạm nghiền tại Quận 9 với lãi suất theo thị trường, thời hạn vay 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (b) Khoản vay thế chấp bằng tài sản của dự án, được tài trợ vốn vay hợp vốn của 8 Ngân hàng thương mại Nhà nước do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển – Sở Giao dịch II làm đầu mối để tài trợ cho dự án Xi măng Bình Phước với khoản tín dụng tối đa là 1.980 tỷ VND, thời hạn vay 11 năm, lãi suất theo thị trường.
- (c) Khoản vay có bảo lãnh của Bộ Tài chính để tài trợ gói thiết bị số 1 Dự án Xi măng Bình Phước với hạn mức EUR 91.420.724 và USD 17.082.379, thời hạn vay 13 năm, lãi suất EURIBOR6M + 0,2%.
- (d) Khoản vay thế chấp bằng Quyền sử dụng đất thuê với diện tích 7.243.385 m², tài sản gắn liền trên đất tại Thị trấn Kiên Lương, Kiên Giang và tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay dùng để tài trợ cho Dự án Hà tiên 2.2 và Dự án chuyển đổi nhiên liệu từ đốt dầu sang đốt than. Thời hạn vay là 10 năm, lãi suất là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng 2,6%/năm.
- (e) Khoản vay thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay dùng để tài trợ cho Dự án Hà tiên 2.2 với thời hạn vay là 9 năm, lãi suất là 8,4%/năm.
- (f) Khoản vay thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay dùng để tài trợ cho Dự án Trạm nghiền Long An với thời hạn vay là 6 năm, lãi suất là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng 0,23%/năm đối với tiền VND và lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng 2,16%/năm đối với tiền USD.
- (g) Khoản vay tín chấp dùng để tài trợ cho Dự án Hà Tiên 2.2 với thời hạn vay là 10 năm, lãi suất EURIBOR thả nổi + 0,16%/năm hoặc + 1,53%/năm.

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	1.334.188.240.000	1.334.188.240.000
Vốn góp của các cổ đông khác	645.811.760.000	645.811.760.000
Thặng dư vốn cổ phần	70.790.410.045	70.790.410.045
Cổ phiếu quỹ	(902.752.100)	(902.752.100)
Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.517.214.120	5.517.214.120
Cộng	<u>2.055.404.872.065</u>	<u>2.055.404.872.065</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	198.000.000	198.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	198.000.000	198.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	198.000.000	198.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	48.000	48.000
- Cổ phiếu phổ thông	48.000	48.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	197.952.000	197.952.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>197.952.000</i>	<i>197.952.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Các quỹ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Quỹ đầu tư phát triển	97.063.215.208	97.063.215.208
Quỹ dự phòng tài chính	31.401.970.440	31.401.970.440
Cộng	128.465.185.648	128.465.185.648

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.284.729.982.584	664.913.541.756
- <i>Xi măng</i>	<i>1.231.772.559.145</i>	<i>658.903.682.381</i>
- <i>Vữa xi măng xây dựng, gạch các loại, cát ISO</i>	<i>5.503.866.932</i>	<i>5.341.098.952</i>
- <i>Clinker, vật liệu phụ, dịch vụ khác</i>	<i>47.453.556.507</i>	<i>668.760.423</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- <i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>79.548.202.770</i>	<i>21.149.438.400</i>
Doanh thu thuần	1.205.181.779.814	643.764.103.356

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I năm trước</u>
Giá vốn xi măng thành phẩm	819.034.489.335	559.979.219.967
Giá vốn vữa xi măng XD, gạch các loại, cát ISO	3.741.824.932	3.730.546.677
Giá vốn clinker, vật liệu, dịch vụ	92.048.046.591	
Cộng	914.824.360.858	563.709.766.644

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.966.287.665	2.890.507.764
Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	1.616.978.894	3.143.462.016
Thu nhập tài chính khác	22.400.000	280.579.678
Cộng	3.605.666.559	6.314.549.458

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I năm trước</u>
Chi phí lãi vay	202.053.646.983	16.123.948.221
Chiết khấu thanh toán	7.435.123.580	4.163.183.496
Lỗ chênh lệch tỷ giá	29.752.077.364	2.534.226.460
Dự phòng giảm giá chứng khoán	1.133.443.300	(305.504.400)
Chi phí tài chính khác	58.722.222	-
Cộng	240.433.013.449	22.515.853.777

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I năm trước</u>
Chi phí nhân viên	9.024.015.971	3.103.670.954
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	392.099.187	46.852.359
Chi phí dụng cụ, đồ dung	180.050.947	132.434.364
Chi phí khấu hao TSCĐ	454.503.849	158.725.257
Chi phí dịch vụ mua ngoài	979.985.006	3.188.180.834
Chi phí quảng cáo	3.876.854.853	2.086.177.374
Chi phí khuyến mãi	63.244.293.991	11.476.493.234
Chi phí bằng tiền khác	1.521.669.277	1.002.038.221
Cộng	79.673.473.081	21.194.572.597

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I năm trước</u>
Chi phí nhân viên	8.105.075.729	6.157.690.198
Chi phí vật liệu quản lý	485.260.471	541.824.746
Chi phí khấu hao tài sản cố định	758.164.375	878.808.812
Thuế, phí và lệ phí	1.176.217.948	1.431.295.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.777.047.311	3.260.556.641

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí bằng tiền khác	20.371.847.635	5.860.623.954
Cộng	33.673.613.469	18.130.799.499
7. Thu nhập khác		
	Quý I năm nay	Quý I năm trước
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	240.027.408	
Thu nhập khác	3.973.148.451	32.829.604
Cộng	4.213.175.859	32.829.604
8. Chi Phí khác		
	Quý I năm nay	Quý I năm trước
CP giải phóng tàu nhanh		786.265.634
Chi phí khác	460.270.540	12.735.595
Cộng	460.270.540	799.001.229

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm: Tổng Công ty Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam (các thành viên quản lý chủ chốt của Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam cũng đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty) và các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

Công ty Cổ phần Bao bì xi măng Hải Phòng	2.200.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	89.797.500
Công nợ phải thu	2.289.797.500

Tổng công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	379.557.308.355
Công ty CP Vật Tư Vận Tải Xi Măng	3.647.117.430
Công ty CP Bao bì Hà Tiên	26.493.737.644
Công ty Tài Chính Cổ Phần Xi măng	182.547.546.506
Công ty CP Vận tải Hà Tiên	21.933.794.098
XN Sản xuất vỏ bao Đà Nẵng	8.201.622.000
Công ty CP Bao bì xi măng Hải Phòng	3.817.000.000
Công ty CP xi măng Hải Vân	375.258.950

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty CP xi măng Bỉm Sơn	37.125.770.385
Công ty CP xi măng Bút Sơn	58.428.018.235
Công ty CP xi măng Tam Điệp	41.937.505.078
Công nợ phải trả/vay	764.064.678.681

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 04 năm 2011



Trương Thị Thu Hương
Người lập biểu



Lê Thị Phương Dung
PT. Phòng Tài chính kế toán



Trần Việt Thắng
Tổng Giám đốc